

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NINH GIANG  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2021/HNGĐ- ST

Ngày 22/6/2021

(V/v: Ly hôn và nuôi con chung )

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG – TỈNH HẢI DƯƠNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Minh Hải.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Huy Diệu** và bà **Phạm Thị Tuấn.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Mạnh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa  
**Ông Nguyễn Quang Đại** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 06 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 04 năm 2021 các quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 10 tháng 5 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 28/05/2021; giữa các đương sự:

**1.Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1981( Có đơn xin xử vắng mặt)

**2.Bị đơn:** Anh **Phạm Văn K**, sinh năm 1982;(Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn M, xã HL, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

**3.Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Chị: Chu Thị Phương Th, sinh năm 1985 (Vắng Mặt)

Đều trú tại: Thôn M, xã HL, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Chị Nguyễn Thị X trình bày ; Chị và anh K kết hôn với nhau tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, được Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh K đi làm

rồi có mối quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến không quan tâm đến gia đình, anh K đi làm nhưng không gửi tiền về để nuôi con, một mình chị phải nuôi hai con và trả nợ làm nhà, anh K đi không quan đến gia đình, không trách nhiệm với vợ con thể hiện việc anh đi khỏi địa phương không thông báo hiện ở đâu. Khi Tòa án báo gọi anh K biết việc chị xin ly hôn vì gia đình có thông báo cho anh K nhưng anh không về, quan điểm của anh K thể hiện Tòa án cứ giải quyết đơn phương theo đơn của chị. Đến nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh K không thể hàn gắn được nữa, chị không thể sống chung với người chồng không có trách nhiệm với gia đình, hai bên sống ly thân đã lâu, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh K để giải phóng cho hai bên.

\*Về con chung : Chị X xác định có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 9/10/ 2005 và Phạm Phương N sinh ngày 9/10/ 2005, nay ly hôn chị đề nghị xin nuôi hai con chung vì anh K đi không rõ hiện ở đâu và không có trách nhiệm với con chung. Sau này anh K về đề nghị giải quyết về con chung sẽ giải quyết sau. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, Chị đủ khả năng nuôi hai con vì từ năm 2012 đến nay chị vẫn một mình nuôi hai con, anh K không gửi tiền nuôi con cùng chị.

\*Về tài sản chung : Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*Bị đơn anh Phạm Văn K biết việc chị X xin ly hôn nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc.

Lời khai của bà Định, mẹ đẻ anh K trình bày: Về điều kiện, thủ tục, trình tự kết hôn như chị X trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K đi làm không về, không quan tâm đến gia đình, đi làm nhưng không gửi tiền về nuôi con cùng chị X, ngoài ra nghe đồn anh K có ăn, ở với người phụ nữ khác. Từ tháng 8/2020 anh K không về gia đình, anh K có biết việc chị X ly hôn nhưng không về. Nay chị X xin ly hôn quan điểm của bà do hai bên tự quyết định bà không có ý kiến gì.

Lời khai của chị Chu Thị Phương Th là em dâu anh K trình bày: Chị ở sát nhà anh K và chị X, theo chị được biết anh K đi làm ăn mấy năm không về nhà, không gửi tiền về cho chị X nuôi con, một mình chị X phải nuôi hai con ăn học, ngoài ra nghe nói anh K có bạn gái bên ngoài nên không quan tâm đến gia đình. Anh K có biết việc chị X xin ly hôn vì chị có trực tiếp chụp thông báo của Tòa án gửi cho anh K.

Xác minh tại UBND và Thôn M xã HL được cung cấp như sau; chị X không làm đơn ra UBND xã HL để hòa giải mà gửi đơn xuống Tòa án, UBND xã nhận được nhiều giấy triệu tập của Tòa án gửi cho anh K, UBND xã đã cho văn thư gửi đến gia đình anh K, anh K đi làm ăn vắng mặt tại địa phương đã lâu không về. Mâu thuẫn của chị X, anh K cụ thể như thế nào UBND xã và chính quyền Thôn M không nắm được, qua tìm hiểu từ chị X mâu thuẫn của hai bên do nợ nần nhiều, anh K bỏ đi không quan tâm đến gia đình, không chu cấp tiền nuôi con cùng chị X.

**Tại phiên toà:** Phạm Thị X có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn K không thay đổi, bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sau (sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký từ khi thụ lý cho đến trước khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền và trình tự thủ tục của giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng theo các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa chị X có đơn xin xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định Điều 70, 72 BLTTDS, đối với người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 77 BLTTDS. Áp dụng khoản 1,2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự ; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án lệ phí.

\* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, Xử cho chị Nguyễn Thị X ly hôn anh Phạm Văn K.

\*Về Con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị X nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 09/10/2005 và Phạm Phương N sinh ngày 09/10/2005 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

\*Về án phí : Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, nhận thấy:

[1]**Về tố tụng:** Anh K đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, Anh K đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K, là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị X có đơn xin xử vắng mặt, do vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị X theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

[2] **Về nội dung:** Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị X và anh Phạm Văn K hoàn toàn tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã HL, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/02/2004, tại thời điểm kết hôn chị X và anh K hoàn toàn tự nguyện, không bị gò ép, điều đó thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X, hội đồng xét xử thấy:* Sau khi kết hôn vợ chồng chị X, anh K chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu. Nguyên nhân do hai bên bất đồng về quan điểm sống, chị nghe được anh K đi làm rồi có mối quan hệ khác dẫn đến không quan tâm đến gia đình, anh K đi làm nhưng không gửi tiền về để nuôi con, một mình chị phải nuôi hai con

và trả nợ làm nhà. Anh K đi không về nhà, không có trách nhiệm với vợ con, từ năm 2012 đến nay hai bên sống ly thân. Tòa án cùng chính quyền thôn và Công an xã đến gia đình anh, chị có gọi điện cho anh K theo số 0983056066, anh K nghe máy nhưng nói không về và nói rõ quan điểm Tòa án cứ giải quyết theo đơn của người đưa đơn( chị X). Anh K đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án thể hiện qua lời khai của chị Th “Chị xác định chị có trực tiếp chụp thông báo của Tòa án gửi cho anh K” anh biết việc chị X xin ly hôn nhưng anh cố tình không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị X, gây khó khăn cho Tòa án và chị X, điều đó thể hiện anh không thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cũng như muốn hằn gấn tình cảm vợ chồng. Chị X xin ly hôn với anh K vì xét tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị không còn yêu thương anh K. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa anh K và chị X đã thực sự trầm trọng, hai bên không còn yêu thương nhau, không quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy; cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị X là phù hợp với quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] **Về Con chung:** : Chị X xác định có hai con chung là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 9/10/ 2005 và Phạm Phương N sinh ngày 9/10/ 2005, nay ly hôn chị đề nghị xin nuôi hai con chung vì anh K đi không rõ hiện ở đâu và không quan tâm đến gia đình và các con. Xét yêu cầu của chị X, HĐXX nhận thấy; hai con của anh K và chị X hiện đang do chị X nuôi dưỡng vẫn đảm bảo cuộc sống cho các con chung, hiện hai con đang học lớp 10 trường PTTH Ninh Giang, quan điểm của hai con xin được ở với chị X. Hiện anh K không có mặt tại địa phương, do đó để ổn định cuộc sống cho hai con, nên cần tiếp tục giao hai con cho chị X chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con tròn 18 tuổi, Chị X tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung. Khi nào anh K về có đơn yêu cầu về con chung Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] **Về tài sản chung :** Chị X xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không phải giải quyết.

[6] **Về án phí :** Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 58, 81,82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị X, Xử cho chị **Nguyễn Thị X** ly hôn anh **Phạm Văn K**.

2. Về Con Chung: Giao cho chị Nguyễn Thị X chăm sóc nuôi dưỡng hai con là Phạm Thị Thu H, sinh ngày 9/10/ 2005 và Phạm Phương N sinh ngày 9/10/ 2005 đến khi tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X không yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh K không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

3.Về án phí: Căn cứ Điều 146, Điều 147 BLTTDS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Chị X phải nộp 300.000đ được đối trừ với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0009380 ngày 24/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.Chị X đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã HL;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**Vũ Minh Hải**